

THỰC TRẠNG THỰC HIỆN CHÍNH SÁCH HỖ TRỢ SINH VIÊN ĐẠI HỌC CHÍNH QUY TẠI TRƯỜNG ĐẠI HỌC TÂY NGUYÊN

Phan Xuân Thọ¹, Nguyễn Thị Hiền²

Ngày nhận bài: 17/04/2026; Ngày phản biện thông qua: 03/07/2026; Ngày duyệt đăng: 07/08/2026

TÓM TẮT

Bài báo tập trung phân tích thực trạng thực hiện chính sách hỗ trợ sinh viên đại học chính quy tại Trường Đại học Tây Nguyên. Kết quả nghiên cứu cho thấy Trường Đại học Tây Nguyên đã thiết lập được quy trình tiếp nhận, xét duyệt và cấp phát các chính sách hỗ trợ. Bài viết đã phân tích thực trạng thực hiện các chính sách hỗ trợ theo 3 nhóm: Chính sách miễn giảm học phí và trợ cấp xã hội, chính sách học bổng và chính sách hỗ trợ sinh viên sư phạm. Trên cơ sở đó, bài viết đề xuất một số giải pháp nhằm nâng cao hiệu quả công tác thực hiện chính sách hỗ trợ sinh viên đại học chính quy tại Trường Đại học Tây Nguyên.

Từ khóa: chính sách hỗ trợ, sinh viên đại học chính quy.

1. MỞ ĐẦU

Trong xã hội hiện đại, giáo dục đại học có vai trò quan trọng trong đảm bảo tính bền vững của nền kinh tế quốc gia. Giáo dục đại học không chỉ cung cấp nguồn nhân lực chất lượng cao mà thông qua đó, các cá nhân sẽ có được cơ hội gia tăng mức độ di động xã hội.

Tuy nhiên, giáo dục đại học thường đi kèm với chi phí lớn. Nếu không có chính sách hỗ trợ, những người không có điều kiện kinh tế có thể khó khăn trong tiếp cận cơ hội. Dựa trên các tiêu chí về công bằng trong tiếp cận giáo dục đại học của Liên minh châu Âu như bình đẳng, hòa nhập xã hội và quyền được giáo dục, tại các nước Đức, Pháp và Romania; chính sách bảo đảm công bằng được triển khai trên một số khía cạnh chủ yếu sau: (1) bình đẳng cơ hội tiếp cận giáo dục đại học; (2) chính sách học phí và hỗ trợ tài chính; (3) cơ hội tiếp cận thông tin và hướng nghiệp; (4) chính sách đặc thù hỗ trợ sinh viên yếu thế; (5) hệ thống giáo dục linh hoạt (Chữ Thị Nhuận, 2026)

Tại Việt Nam, Nghị quyết số 71-NQ/TW, ngày 22-8-2025 của Bộ Chính trị về đột phá phát triển giáo dục và đào tạo đã coi giáo dục - đào tạo là quốc sách hàng đầu, là sự nghiệp của Đảng, Nhà nước và của toàn dân. Con người vừa là mục tiêu, vừa là động lực của phát triển; vì vậy, sự phát triển toàn diện của con người chính là thước đo cao nhất, bền vững nhất của độc lập về văn hóa - xã hội (Nguyễn Ngọc Hà, Đỗ Thị Thạch, 2026). Trong đó, Nhà nước giữ vai trò định hướng chiến lược, kiến tạo phát triển, bảo đảm nguồn lực và công bằng trong giáo dục. Nghị quyết số 71-NQ/TW đã đặt giáo dục đại học vào trung tâm của chiến lược phát triển nguồn nhân lực chất lượng cao, đồng thời xác lập nguyên tắc xây dựng nền giáo dục mở, liên thông, bảo đảm cơ hội học tập công bằng, bình đẳng cho mọi người, đi cùng với đó là các định hướng giảm rào cản tài chính, mở rộng hỗ trợ cho người học và quan tâm hơn tới nhóm yếu thế, vùng khó khăn, vùng dân tộc thiểu số.

Trường Đại học Tây Nguyên là cơ sở đào tạo đa ngành, nằm ở vị trí trung tâm khu vực miền Trung - Tây Nguyên. Với tỷ lệ hơn 21% sinh viên là người dân tộc thiểu số và quy mô đào tạo sư phạm lớn, việc đảm bảo các chính sách hỗ trợ người học tại Trường Đại học Tây Nguyên được xem là yếu tố quan trọng trong chiến lược phát triển của nhà trường.

Bài viết này được thực hiện nhằm hướng tới các mục tiêu: (1) Hệ thống hóa và đánh giá thực trạng triển khai các nhóm chính sách hỗ trợ sinh viên đại học chính quy tại Trường Đại học Tây Nguyên, bao gồm các chính sách: miễn giảm học phí, hỗ trợ chi phí học tập, trợ cấp xã hội, học bổng, hỗ trợ sinh viên sư phạm; (2) Đề xuất các giải pháp nhằm nâng cao hiệu quả công tác hỗ trợ sinh viên tại Trường Đại học Tây Nguyên.

2. PHƯƠNG PHÁP NGHIÊN CỨU

Bài viết sử dụng phương pháp phân tích dữ liệu thứ cấp là phương pháp chính. Các văn bản quy phạm pháp luật và văn bản điều hành nội bộ của nhà trường liên quan đến chế độ chính sách cho sinh viên đã được thu thập, phân tích và hệ thống hóa. Đồng thời, các báo cáo tài chính, báo cáo tổng kết công tác sinh viên (CTSV) và phần mềm quản lý đào tạo Trường Đại học Tây Nguyên trong giai đoạn từ năm 2024 đến tháng 4/2026 đã được phân tích, so sánh theo từng nhóm chính sách.

3. KẾT QUẢ NGHIÊN CỨU

3.1. Khái quát về quy mô đào tạo đại học chính quy tại Trường Đại học Tây Nguyên

Quy mô đào tạo đại học chính quy của Trường Đại học Tây Nguyên hiện nay thể hiện sự đa dạng về ngành nghề đào tạo và phản ánh sự đa dạng về đặc điểm của người học. Số liệu thống kê tại thời điểm tháng 4/2026 cho thấy đang có sự phân hóa khá rõ về nhu cầu hỗ trợ giữa các khoa. Tỷ lệ sinh viên là người dân tộc thiểu số chiếm tỷ lệ khá lớn tại các khoa Sư phạm và Nông nghiệp. Dữ liệu ở bảng 1 dưới đây cho thấy quy mô và cơ cấu sinh viên theo đơn vị đào tạo tại Trường Đại học Tây Nguyên.

¹Khoa Khoa học Tự nhiên & Công nghệ, Trường Đại học Tây Nguyên;

²Khoa Sư phạm, Trường Đại học Tây Nguyên;

Tác giả liên hệ: Phan Xuan Tho; Email: pxtho@ttn.edu.vn.

Bảng 1. Quy mô và cơ cấu sinh viên theo đơn vị đào tạo tại Trường Đại học Tây Nguyên

TT	Khoa	Tổng SV	Nam		Nữ		Dân tộc thiểu số	
			Tỷ lệ	SL	Tỷ lệ	SL	Tỷ lệ	SL
1	Khoa Y Dược	1.731	38,4	665	61,6	1.066	19,8	343
2	Khoa Nông nghiệp	1.377	59,9	825	40,1	552	14,7	202
3	Khoa Kinh tế	2.090	30,1	629	69,9	1.461	12,9	269
4	Khoa Sư phạm	1.632	12,1	198	87,9	1.434	49,4	807
5	Khoa LL Chính trị	141	34,8	49	65,2	92	39,0	55
6	Khoa Ngoại ngữ	781	16,3	127	83,7	654	13,4	105
7	Khoa KHTN&CN	944	48,0	453	52,0	491	12,3	116
Tổng		8.696	33,9	2.946	66,1	5.750	21,8	1.897

Nguồn: Phần mềm Quản lý đào tạo Trường Đại học Tây Nguyên, 4/2026.

Trong tổng số 8823 sinh viên đại học hệ chính quy, tập trung cao nhất là tại Khoa Kinh tế với 2090 sinh viên và Khoa Y Dược với 1731 sinh viên. Điều này dẫn tới nhu cầu về học bổng khuyến khích học tập (KKHT) tại các khoa này sẽ lớn và mang tính cạnh tranh cao. Tổng số sinh viên dân tộc thiểu số là 1897 sinh viên, chiếm 21,8% quy mô toàn trường. Trong đó, khoa Sư phạm là khoa đào tạo có số lượng sinh viên dân tộc thiểu số cao nhất với 807 sinh viên, chiếm gần 50% tổng số sinh viên của khoa. Sự phân bố sinh viên dân tộc thiểu số tập trung nhiều hơn các khối ngành Sư phạm, Nông nghiệp và Y Dược tại

Trường Đại học Tây Nguyên đã cho thấy tính đúng đắn của việc ưu tiên nguồn lực tài chính cho các đối tượng này.

3.2. Quy trình tiếp nhận, xét duyệt, chi trả chế độ chính sách hỗ trợ

3.2.1. Hệ thống văn bản áp dụng

Tại Trường Đại học Tây Nguyên, các chính sách hỗ trợ sinh viên đại học chính quy được triển khai dựa trên các văn bản pháp lý và các quy chế nội bộ của nhà trường. Dưới đây là bảng tổng hợp các văn bản về chính sách hỗ trợ sinh viên đang được áp dụng.

Bảng 2. Hệ thống văn bản về chính sách hỗ trợ

TT	Nhóm chính sách	Văn bản	Nội dung điều chỉnh chính
1	Trợ cấp xã hội	Quyết định số 05/VBHN-BGDĐT ngày 30/08/2021 của Bộ trưởng Bộ GD&ĐT.	Quy định về học bổng và trợ cấp xã hội đối với HSSV các trường công lập.
2	Hỗ trợ chi phí học tập	Thông tư số 35/2014/TTLT-BGDĐT-BTC ngày 15/10/2015 (hướng dẫn Quyết định số 66/2013/QĐ-TTg).	Hỗ trợ chi phí học tập cho SV dân tộc thiểu số thuộc hộ nghèo, hộ cận nghèo.
3	Miễn, giảm học phí	Nghị định số 238/2025/NĐ-CP ngày 03/9/2025 của Chính phủ.	Quy định về chính sách học phí, miễn, giảm và hỗ trợ học phí, chi phí học tập.
4	Hỗ trợ học tập	Nghị định số 57/2017/NĐ-CP ngày 09/5/2017 của Chính phủ.	Chính sách ưu tiên tuyển sinh và hỗ trợ học tập đối với SV dân tộc thiểu số rất ít người.
5	Học bổng KKHT	- Nghị định 84/2020/NĐ-CP ngày 17/7/2020 của Chính phủ. - Quy chế đào tạo và CTSV của Trường ĐHTN.	Quy định chi tiết một số điều của Luật Giáo dục về học bổng KKHT và đánh giá rèn luyện.
6	Học bổng Tài trợ	Thông tư số 35/2011/TT-BGDĐT ngày 11/8/2011 của Bộ trưởng Bộ GD&ĐT.	Quy định việc trao và nhận học bổng, trợ cấp từ các nguồn tài trợ ngoài ngân sách.
7	Chính sách SV sư phạm (Nghị định 116)	- Nghị định số 116/2020/NĐ-CP ngày 25/9/2020 của Chính phủ. - Nghị định số 60/2025/NĐ-CP ngày 03/3/2025 (Sửa đổi, bổ sung ND 116).	Hỗ trợ tiền đóng học phí và chi phí sinh hoạt đối với sinh viên sư phạm.

Nguồn: Kết quả hệ thống hoá dữ liệu thứ cấp, 4/2026.

Hệ thống văn bản cho thấy chính sách hỗ trợ đã hướng tới sự đa dạng về đối tượng thụ hưởng chính sách. Gần đây, các văn bản mới như Nghị định 238/2025/NĐ-CP hay Nghị định 60/2025/NĐ-CP đã cho thấy sự điều chỉnh kịp thời của Chính phủ trong việc hướng dẫn triển khai các chính sách. Trên cơ sở đó, Trường Đại học Tây Nguyên hiện thực hoá văn bản chính sách bằng quy trình tiếp nhận, xét duyệt và chi trả chính sách hỗ trợ.

3.2.2. Quy trình tiếp nhận, xét duyệt, chi trả

Để hiện thực hóa các văn bản hướng dẫn thực hiện chính sách hỗ trợ, Trường Đại học Tây Nguyên đã chuẩn hóa quy trình tiếp nhận, xét duyệt và chi trả. Các bước trong quy trình hướng tới cơ chế kiểm soát nhằm đảm bảo các nguồn lực hỗ trợ đến đúng đối tượng, đúng thời hạn và đúng định mức quy định.

Trên cơ sở các quy trình cho từng nhóm chính sách, chúng tôi tổng hợp, hệ thống quy trình tổng quát áp dụng cho các nhóm chính sách tại nhà trường, được thể hiện cụ thể qua bảng 3 dưới đây.

Bảng 3. Quy trình tổng quát thực hiện các chế độ chính sách hỗ trợ sinh viên

Giai đoạn	Nội dung thực hiện	Đơn vị thực hiện	Kênh công khai
1. Thông báo & Hướng dẫn	Triển khai trong Tuần sinh hoạt công dân học sinh, sinh viên; Ban hành thông báo nộp hồ sơ, điều kiện hưởng, mức thụ hưởng.	Phòng CTSV, Khoa, Cố vấn học tập.	Website trường, Fanpage, Zalo lớp, Thông báo nhập học.
2. Tiếp nhận & Phân loại	Hướng dẫn SV làm hồ sơ; Tiếp nhận, kiểm tra tính đầy đủ, phân loại hồ sơ theo từng đối tượng.	Phòng CTSV, các Khoa đào tạo	Tiếp nhận trực tiếp tại phòng CTSV.
3. Thẩm định	Kiểm tra tính hợp lệ của hồ sơ theo quy định pháp luật.	Phòng Pháp chế, Phòng CTSV.	Danh sách .
4. Xét duyệt & Phê duyệt	Hội đồng các cấp khoa/trường họp xét. Lãnh đạo Trường ký QĐ.	Hội đồng xét duyệt cấp khoa, cấp trường.	Biên bản họp Hội đồng.
5. Công khai & Phản hồi	Thông báo dự thảo danh sách SV được hưởng; Tiếp nhận và giải đáp phản hồi của SV.	Phòng CTSV, Khoa, Cố vấn học tập	Zalo các nhóm lớp, Niêm yết tại Khoa.
6. Chi trả & Giám sát	Thực hiện chứng từ và chi trả tiền qua tài khoản cá nhân; Rà soát biến động học tập định kỳ (đối với NĐ 116).	Phòng Kế hoạch tài chính, Phòng CTSV, Cố vấn học tập.	Thông báo quyết định chính thức.

Nguồn: Kết quả hệ thống hoá dữ liệu thứ cấp, 4/2026.

Quy trình tổng quát trên cho thấy Trường Đại học Tây Nguyên đã thông tin về hệ thống chính sách hỗ trợ tới sinh viên thông qua nhiều kênh thông tin khác nhau. Cơ chế kiểm soát và phản hồi đã thể hiện rõ trong quy trình.

3.3. Kết quả thực hiện chính sách hỗ trợ

3.3.1. Chính sách miễn giảm học phí và trợ cấp xã hội

Việc xác định định mức và phân loại đối tượng thụ hưởng chính sách miễn giảm học phí và trợ cấp xã hội

được Trường Đại học Tây Nguyên thực hiện theo hướng dẫn của các văn bản và quy chế nội bộ.

Bảng 4 dưới đây trình bày tình hình thực hiện các chế độ, chính sách hỗ trợ đối với sinh viên trong ba học kỳ: Kỳ 1 năm học 2024 - 2025, Kỳ 2 năm học 2024 - 2025 và Kỳ 1 năm học 2025 - 2026. Mỗi học kỳ được thống kê theo hai chỉ tiêu chính là số lượng sinh viên thụ hưởng và tổng kinh phí hỗ trợ. Các chính sách bao gồm bốn nhóm: miễn giảm học phí, hỗ trợ chi phí học tập, trợ cấp xã hội và hỗ trợ học tập.

Bảng 4. Kinh phí chi miễn giảm học phí, trợ cấp XH, hỗ trợ chi phí học tập, hỗ trợ học tập

TT	Chế độ chính sách	Kỳ 1, 2024 - 2025		Kỳ 2, 2024 - 2025		Kỳ 1, 2025 - 2026	
		Số SV	Số tiền	Số SV	Số tiền	Số SV	Số tiền
1	Miễn giảm học phí	398	3.075.180.806	384	2.799.278.000	412	3.629.770.000
2	Hỗ trợ chi phí học tập	272	1.783.080.000	191	1.340.820.000	221	1.484.028.000
3	Trợ cấp xã hội	941	620.060.000	897	837.720.000	1022	681.540.000
4	Hỗ trợ học tập	2	21.060.000	3	49.140.000	4	44.460.000
Tổng cộng		1.613	5.499.380.806đ	1.475	5.026.958.000đ	1.659	5.839.789.000đ

Nguồn: Tổng hợp từ các báo cáo tháng của Phòng CTSV giai đoạn 2024-2026.

Trong học kỳ 1 năm học 2024 - 2025 có 1613 sinh viên được hỗ trợ với tổng kinh phí 5.499.380.806 đồng. Trong đó, chính sách miễn giảm học phí có quy mô kinh phí lớn nhất (3.075.180.806 đồng) với 398 sinh viên thụ hưởng. Chính sách trợ cấp xã hội có số lượng sinh viên cao nhất (941 sinh viên), song mức kinh phí thấp hơn so với miễn giảm học phí. Các chính sách còn lại chiếm tỷ trọng nhỏ hơn cả về số lượng và kinh phí.

Học kỳ 2 năm học 2024 -2025, có 1.475 sinh viên được hỗ trợ với tổng kinh phí 5.026.958.000 đồng. Sự suy giảm này diễn ra ở hầu hết các nhóm chính sách, đặc biệt là hỗ trợ chi phí học tập và miễn giảm học phí. Tuy nhiên, cơ cấu phân bổ giữa các chính sách không có sự thay đổi đáng kể, khi trợ cấp xã hội vẫn là nhóm có số lượng sinh viên lớn nhất.

Học kỳ 1 năm học 2025 - 2026, số lượng sinh viên được hỗ trợ tăng lên 1.659, đồng thời tổng kinh phí cũng tăng lên 5.839.789.000 đồng, cao nhất trong ba học kỳ. Chính sách miễn giảm học phí tiếp tục chiếm tỷ trọng lớn nhất về kinh phí với 3.629.770.000 đồng, trong khi trợ cấp xã hội vẫn là chính sách có số lượng sinh viên được hỗ trợ nhiều nhất với 1022 sinh viên. Các chính sách khác có xu hướng tăng nhẹ so với kỳ trước.

Nhìn chung, dữ liệu cho thấy quy mô hỗ trợ sinh viên có sự biến động theo từng học kỳ, với xu hướng giảm ở học kỳ 2 năm học 2024 - 2025 và tăng trở lại ở học kỳ 1 năm học 2025 -2026. Về cơ cấu, miễn giảm học phí là chính sách chiếm tỷ trọng kinh phí lớn nhất, trong khi trợ cấp xã hội có phạm vi bao phủ rộng nhất về số lượng sinh viên. Các chính sách còn lại đóng

vai trò hỗ trợ với quy mô tương đối nhỏ. Báo cáo CTSV cũng cho biết, việc duy trì định mức trợ cấp xã hội ở ngưỡng 100.000đ - 140.000đ/tháng (căn cứ theo các văn bản hiện hành) là mức trợ cấp thấp. Khi mức trợ cấp không đủ đáp ứng các nhu cầu cơ bản, sinh viên đang phải đối mặt với áp lực tài chính. Khoản trợ cấp này mang tính "tượng trưng" nhiều hơn là công cụ an sinh, khiến sinh viên nghèo vẫn phải đối mặt với áp lực tài chính đè nặng, buộc phải đi làm thêm, gián tiếp ảnh hưởng đến kết quả học tập.

Sự sụt giảm số lượng sinh viên thụ hưởng chính sách ở học kỳ II mỗi năm học bước đầu phản ánh một xu hướng đáng lưu ý về mặt thống kê hành chính. Xét theo khía cạnh giả thuyết thảo luận, biến động này có thể liên quan đến các kịch bản về tình trạng học tập của sinh viên thuộc diện chính sách như thôi học, đình chỉ, hoặc kết quả học tập/rèn luyện chưa đạt chuẩn dẫn đến việc tạm thời hoặc mất tư cách thụ hưởng trong học kỳ kế tiếp. Do giới hạn dữ liệu nghiên cứu hiện tại chưa thực hiện khảo sát sơ cấp để bóc tách nguyên nhân định lượng cụ thể, xu hướng này tạm thời được ghi nhận như một giả thuyết thực tiễn quan trọng, đặt ra bài toán về tính bền vững trong việc duy trì kết quả học tập của nhóm đối tượng yếu thế.

Có một sự phân hóa giữa chính sách miễn giảm học phí và trợ cấp xã hội. Thực trạng kinh phí dành cho miễn giảm học phí cao nhất, chiếm trên 50-60% tổng chi nhưng số lượng sinh viên tiếp cận lại ít hơn. Nguyên nhân do khung học phí mới tăng theo lộ trình, khiến áp lực ngân sách đổ dồn vào nhóm này.

Chính sách hỗ trợ học tập dành cho SV dân tộc thiểu số rất ít người theo Nghị định 57 có số lượng tiếp cận quá ít. Điều này cho thấy có thể công tác truyền thông chính sách hoặc nguồn tuyển đối với

nhóm đối tượng đặc thù này còn gặp rào cản lớn, chưa khai thác hết căn cơ chính sách của Nhà nước.

3.3.2. Chính sách học bổng

Năm học 2024 - 2025, có 1322 sinh viên thụ hưởng học bổng KKHT với tổng kinh phí 10.968.960.000 đồng, chiếm tỷ trọng lớn trong tổng nguồn kinh phí học bổng. Học bổng tài trợ có quy mô nhỏ hơn đáng kể, 137 sinh viên thụ hưởng với tổng kinh phí 981.000.000 đồng. Điều này cho thấy học bổng KKHT là nguồn hỗ trợ chủ đạo trong năm học này, cả về phạm vi bao phủ lẫn giá trị tài chính.

Học kỳ 1 năm học 2025 - 2026, số lượng sinh viên nhận học bổng KKHT là 773 sinh viên với tổng kinh phí là 7.103.910.000 đồng. Học bổng tài trợ ghi nhận sự gia tăng cả về số lượng sinh viên 499 sinh viên với tổng kinh phí là 1.717.500.000 đồng, phản ánh sự mở rộng nguồn lực từ các tổ chức, cá nhân tài trợ. Mặc dù tổng kinh phí chỉ cho học bổng tăng, đặc biệt là sự tham gia tích cực từ nguồn xã hội hóa, thực trạng này vẫn tồn tại hạn chế lớn về bất bình đẳng cơ hội giữa các khối ngành.

Đối chiếu với Bảng 1, quy mô sinh viên tập trung nhiều ở Khoa Kinh tế với 2.090 SV và Khoa Y Dược với 1.731 SV. Do học bổng KKHT được phân bổ theo tỷ lệ quỹ học phí trích lập của từng ngành/khoa nên đã tạo sự cạnh tranh nhất định

3.3.3. Chính sách hỗ trợ sinh viên sư phạm

Nghị định 116/2020/NĐ-CP được xem là chính sách can thiệp của Nhà nước nhằm điều tiết thị trường lao động trong lĩnh vực giáo dục. Thông qua cơ chế ưu đãi tài chính tập trung, chính sách này hướng tới việc cân bằng cung - cầu nhân lực trong lĩnh vực giáo dục.

Bảng 5. Kinh phí chi chính sách hỗ trợ sinh viên sư phạm

	2024 – 2025		2025 – 2026
	Học kỳ I	Học kỳ II	Học kỳ I
Số SV hưởng	1.742	1.722	2.143
Tiền học phí	12.189.840.000đ	10.964.850.000đ	17.467.120.000đ
Tiền sinh hoạt phí	29.334.030.000đ	33.174.570.000đ	28.015.450.000đ
Tổng kinh phí	41.523.870.000đ	44.139.420.000đ	45.482.572.143đ

Nguồn: Tổng hợp từ các báo cáo tháng của Phòng CTSV giai đoạn 2024-2026

Ở học kỳ I năm học 2024 - 2025 có 1742 sinh viên hưởng chính sách hỗ trợ sinh viên sư phạm, giảm nhẹ xuống còn 1722 sinh viên ở học kỳ II. Tuy nhiên, sang học kỳ I năm học 2025 - 2026, số lượng này tăng lên 2143 sinh viên. Điều này cho thấy phạm vi và đối tượng thụ hưởng chính sách đã được mở rộng đáng kể trong giai đoạn sau.

Về kinh phí hỗ trợ học phí, số liệu cho thấy có sự thay đổi giữa các học kỳ. Trong học kỳ I năm học 2024 - 2025, tổng kinh phí học phí được hỗ trợ là 12.189.840.000 đồng, sau đó giảm xuống còn 10.964.850.000 đồng ở học kỳ II. Tuy nhiên, đến học kỳ I năm học 2025-2026, khoản chi này tăng lên 17.467.120.000 đồng.

Đối với kinh phí hỗ trợ sinh hoạt phí, xu hướng biến động lại có phần khác biệt so với học phí. Cụ thể, từ mức 29.334.030.000 đồng ở học kỳ I năm học 2024 - 2025, kinh phí này tăng lên 33.174.570.000 đồng ở học kỳ II, sau đó giảm xuống còn 28.015.450.000 đồng ở học kỳ I năm học 2025 - 2026.

Tổng kinh phí thực hiện chính sách hỗ trợ dành cho sinh viên sư phạm qua các học kỳ nhìn chung có xu hướng tăng. Cụ thể, tổng kinh phí ở học kỳ I năm học 2024 - 2025 là 41.523.870.000 đồng, tăng lên 44.139.420.000 đồng ở học kỳ II và tiếp tục tăng lên 45.482.572.143 đồng ở học kỳ I năm học 2025 - 2026.

Mặc dù các khoản thành phần có sự biến động khác nhau, nhưng xu hướng chung vẫn cho thấy nguồn lực dành cho chính sách này đang được gia

tăng. Trong khi số lượng sinh viên tăng mạnh từ 1.722 lên 2.143 SV (tăng 24.4%), và tiền học phí tăng từ 10.9 tỷ lên 17.4 tỷ (tăng gần 60%) thì kinh phí hỗ trợ sinh hoạt phí lại giảm từ 33.1 tỷ xuống còn 28.0 tỷ. Việc rà soát biến động học tập định kỳ hàng tháng của khối sư phạm còn thủ công, dẫn đến kinh phí chi trả sinh hoạt phí thiếu tính dự báo trước.

4. KẾT LUẬN

Trường Đại học Tây Nguyên đã thực hiện tốt các chính sách hỗ trợ sinh viên đại học chính quy. Kết quả này thể hiện sự nỗ lực trong việc đảm bảo quyền tiếp cận giáo dục đại học cho nhóm yếu thế và sinh viên các ngành sư phạm.

Việc vận hành quy trình tiếp nhận, xét duyệt và cấp phát đã tạo ra cơ chế đối soát chéo hiệu quả. Đặc biệt, việc công khai hóa thông tin qua các nền tảng số và cơ chế phản hồi trực tiếp đã đảm bảo thực hiện đúng đối tượng, đúng định mức và đúng tiến độ.

Bên cạnh các chính sách hỗ trợ theo quy định của Chính phủ, khả năng huy động các quỹ học bổng tài trợ đã tạo động lực thúc đẩy sinh viên cải thiện năng lực học tập, rèn luyện và nghiên cứu khoa học nhằm đạt được học bổng, từ đó nâng cao chất lượng đào tạo.

Tuy nhiên, định mức trợ cấp xã hội quá thấp so với chỉ số giá tiêu dùng thực tế, chưa đóng vai trò là bệ đỡ an sinh cho người học. Việc phân bổ học bổng KKHT và thu hút học bổng tài trợ đang có sự khác biệt giữa các khoa. Đồng thời, việc rà soát biến động học tập định kỳ hàng tháng của khối sư phạm còn thiếu tính dự báo trước.

Dựa trên kết quả phân tích thực trạng, bài viết đề xuất một số khuyến nghị nhằm hoàn thiện chính sách hỗ trợ sinh viên đại học chính quy tại Trường Đại học Tây Nguyên như sau:

TÀI LIỆU THAM KHẢO

- Bộ Giáo dục và Đào tạo (2011). *Quy định việc trao và nhận học bổng, trợ cấp từ các nguồn tài trợ ngoài ngân sách* (Thông tư số 35/2011/TT-BGDĐT).
- Bộ Giáo dục và Đào tạo (2021). *Quy định về học bổng và trợ cấp xã hội đối với HSSV các trường công lập* (Quyết định số 05/VBHN-BGDĐT).
- Bộ Giáo dục và Đào tạo và Bộ Tài chính (2015). *Hỗ trợ chi phí học tập cho SV dân tộc thiểu số thuộc hộ nghèo, hộ cận nghèo* (Thông tư số 35/2014/TTLT-BGDĐT-BTC).
- Chính phủ (2017). *Chính sách ưu tiên tuyển sinh và hỗ trợ học tập đối với SV dân tộc thiểu số rất ít người* (Nghị định số 57/2017/NĐ-CP).
- Chính phủ (2020a). *Quy định chi tiết một số điều của Luật Giáo dục về học bổng KKHT và đánh giá rèn luyện* (Nghị định 84/2020/NĐ-CP).
- Chính phủ (2020b). *Hỗ trợ tiền đóng học phí và chi phí sinh hoạt đối với sinh viên sư phạm* (Nghị định số 116/2020/NĐ-CP).
- Chính phủ (2025a). *Quy định về chính sách học phí, miễn, giảm và hỗ trợ học phí, chi phí học tập* (Nghị định số 238/2025/NĐ-CP).
- Chính phủ (2025b). *Sửa đổi, bổ sung Nghị định 116 về hỗ trợ tiền đóng học phí và chi phí sinh hoạt đối với sinh viên sư phạm* (Nghị định số 60/2025/NĐ-CP).
- Nguyễn Ngọc Hà và Đỗ Thị Thạch (2026). Tiêu chí hiện thực hoá mục tiêu phát triển hoà bình độc lập, giàu mạnh, phồn vinh, hạnh phúc ở Việt Nam đến năm 2030, tầm nhìn đến năm 2045. *Tạp chí Cộng sản*. Truy cập từ: <https://www.tapchicongsan.org.vn/web/guest/chinh-tri-xay-dung-dang/-/2018/1235802/tieu-chi-hien-thuc-hoa-muc-tieu-phat-trien-%E2%80%99Choa-binh%2C-doc-lap%2C-giau-manh%2C-phon-vinh%2C-hanh-phuc%E2%80%99D-o-viet-nam-den-nam-2030%2C-tam-nhin-den-nam-2045.aspx#>.

Thứ nhất, đối với các cơ quan quản lý Nhà nước: Xem xét việc rà soát và điều chỉnh định mức trợ cấp xã hội trên cơ sở tính toán chỉ số giá tiêu dùng và mức sống tối thiểu.

Thứ hai, đối với Trường Đại học Tây Nguyên: Xem xét việc tích hợp các thủ tục tiếp nhận, xét duyệt chính sách vào phần mềm quản lý đào tạo; Tích hợp triệt để việc nộp hồ sơ, thẩm định và đối soát chéo các chính sách hỗ trợ vào hệ thống phần mềm quản lý đào tạo trực tuyến. Nhà trường cần chủ động làm việc với các doanh nghiệp, tổ chức để "đặt hàng" các gói học bổng tài trợ cho sinh viên toàn trường, tránh tập trung ở một số khoa/ngành; Thành lập một Quỹ an sinh từ nguồn xã hội hóa. Quỹ này hoạt động theo cơ chế "cứu trợ nhanh" để hỗ trợ kịp thời cho sinh viên gặp rủi ro bất ngờ hoặc thiếu hụt sinh hoạt phí, đảm bảo không có sinh viên nào phải bỏ học vì lý do tài chính.

Nghiên cứu này mới dừng lại ở việc bóc tách số liệu hành chính thứ cấp giai đoạn 2024–2026, do đó chưa có các minh chứng định lượng về hành vi và tác động tâm lý - xã hội thực tế của sinh viên. Đồng thời, hệ thống giải pháp đề xuất mới tập trung giải quyết các bất cập mang tính vận hành cơ sở tại chỗ, chưa xây dựng được mô hình giải pháp tổng thể cho toàn bộ cấu trúc chính sách. Nhóm tác giả gợi ý các nghiên cứu trong tương lai cần: (1) Thực hiện các cuộc khảo sát diện rộng bằng bảng hỏi kết hợp phỏng vấn sâu đối với sinh viên thuộc diện chính sách để làm rõ cơ sở khoa học cho các biến động học tập và áp lực tài chính; (2) Xây dựng mô hình lý thuyết tổng thể về đánh giá tác động của chính sách hỗ trợ đối với sinh viên.

Chữ Thị Nhuận (2026). Bảo đảm công bằng trong tiếp cận giáo dục đại học ở một số nước châu Âu và gợi mở đối với Việt Nam. *Tạp chí Cộng sản*. Truy cập từ: https://www.tapchicongsan.org.vn/web/guest/van_hoa_xa_hoi/-/2018/1230702/bao-dam-cong-bang-trong-tiep-can-giao-duc-dai-hoc-o-mot-so-nuoc-chau-au-va-goi-mo-doi-voi-viet-nam.aspx.
Trường Đại học Tây Nguyên (2021). *Quy chế công tác sinh viên hệ chính quy Trường Đại học Tây Nguyên* (Quyết định số 2003/QĐ-ĐHTN, ngày 05/11/2021). Đắk Lắk: Trường Đại học Tây Nguyên

THE CURRENT STATUS OF IMPLEMENTING SUPPORT POLICIES FOR FULL-TIME UNDERGRADUATE STUDENTS AT TAY NGUYEN UNIVERSITY

Phan Xuan Tho¹, Nguyen Thi Hien²

Received Date: 17/04/2026; Revised Date: 03/07/2026; Accepted for Publication: 07/08/2026

ABSTRACT

This paper focuses on analyzing the current status of implementing support policies for full-time undergraduate students at Tay Nguyen University. The research findings indicate that Tay Nguyen University has established procedures for receiving, reviewing, and disbursing support policies. The study examines the implementation of support policies across three main groups: tuition exemption and reduction along with social allowances, scholarship policies, and support policies for pedagogy students. Based on these findings, the paper proposes several solutions to improve the effectiveness of implementing support policies for full-time undergraduate students at Tay Nguyen University.

Keywords: *support policies; full-time undergraduate students.*

¹Faculty of Natural Sciences and Technology, Tay Nguyen University;

²Faculty of Education, Tay Nguyen University;

Corresponding author: Phan Xuan Tho; Email: pxtho@ttn.edu.vn.